TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST Ngày 04/7/2023 V/v hôn nhân gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Diệu Thúy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Tô Tuấn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 253/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 19xx (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 19xx (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn X, xã P, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955 (Đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện,bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà Thị H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 18 tháng 01 năm 2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ

chồng không hiểu và thông cảm cho nhau và mâu thuẫn về kinh tế. Từ đầu năm 2022 vợ chồng anh mâu thuẫn trầm trọng. Anh và chị H sống ly thân từ tháng 4 năm 2022, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị H.

- Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Nguyễn Gia L1, sinh ngày 15/02/2020. Ly hôn, anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.000.000 đồng, đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh và chị Hà Thị H còn nợ bố mẹ anh là ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị D tổng số tiền là 346.000.000 đồng từ năm 2020. Anh đồng ý với ý kiến của chị H là chị H phải trả cho bố mẹ anh số tiền 100.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ chậm nhất là ngày 01/7/2023. Tuy nhiên đến phiên tòa hôm nay ngày 04/7/2023 chị H chưa trả nợ cho bố mẹ anh. Anh đề nghị Tòa án buộc chị H phải trả cho bố mẹ anh số tiền trên. Số tiền còn lại 246.000.000 đồng anh sẽ có trách nhiệm trả cho bố mẹ anh, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn chị Hà Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận lời khai của anh L về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nên cuộc sống không có hạnh phúc. Mâu thuẫn căng thẳng từ đầu năm 2022, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 đến nay không còn quan tâm. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, nay anh L có đơn xin ly hôn, chị đồng ý.

- Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là Nguyễn Gia L1, sinh ngày 15/02/2020. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Trước đây chị có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, chị đã được Tòa án giao thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng sau đó anh chị thỏa thuận được nên chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và chị không nộp tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản nữa. Về nợ chung: Chị và anh Nguyễn Văn L còn nợ bố mẹ anh L là ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị D tổng số tiền là 346.000.000 đồng từ năm 2020 như ông bà đã trình bày là đúng. Chị đồng ý trả cho bố mẹ anh L số tiền 100.000.000 đồng, không tính lãi. Thời hạn trả nợ chậm nhất là ngày 01/7/2023. Tuy nhiên, do chưa giải quyết xong việc ly hôn, nên chị chưa vay được tiền để trả ông T và bà D vào ngày 01/7/2023. Chị đồng ý trả lãi theo quy định của Bộ luật dân sự kể từ ngày 01/7/2023 cho đến khi trả hết khoản nợ trên. Số tiền còn lại 246.000.000 đồng anh L sẽ có trách nhiệm trả cho bố mẹ anh L, chị không có ý kiến gì.

* Tại đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai và các lời khai tiếp theo ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị D thống nhất trình bày:

Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn L. Khoảng năm 2020, ông bà đã cho vợ chồng anh L và chị H vay số tiền là 346.000.000 đồng, không tính lãi suất để anh chị lấy vốn làm ăn. Đến nay anh chị ly hôn, ông bà yêu cầu chị H và anh L phải trả cho ông bà số tiền trên. Trong đó, anh L trả 246.000.000 đồng, chị H phải trả số tiền nợ là 100.000.000 đồng. Đối với số tiền 246.000.000 đồng ông bà và anh L đã tự thỏa thuận thanh toán cho nhau không yêu cầu tòa án giải quyết. Ông bà yêu cầu Tòa án buộc chị H phải trả cho ông bà số tiền 100.000.000 đồng chậm nhất là ngày 01/7/2023. Ông bà không yêu cầu tính lãi. Ông T và bà D xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Hà Thị H; Về quan hệ con chung: Giao cho chị Hà Thị H trực tiếp nuôi Nguyễn Gia L1, sinh ngày 15/02/2020. Chấp nhận việc anh Nguyễn Văn L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng một tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về nợ: Buộc chị H phải trả ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị D số tiền 100.000.000 đồng, kể từ ngày 01/7/2023 cho đến khi trả hết khoản nợ chị H còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị D đối với yêu cầu anh L thanh toán tiền vay nợ là 246.000.000 đồng. Chị H phải chịu án phí dân sự về nợ và ½ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con và ½ án phí ly hôn sơ thẩm. Các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn chị Hà Thị H đang cư trú tại xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy. Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Hà Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 18 tháng 01 năm 2019. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị chung sống đến năm 2022 thì nảy sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và bất đồng trong công việc, kinh tế. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 đến nay. Nay anh L xin ly hôn, chị H đồng ý. Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị H và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử công nhận cho anh L và chị H thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh L và chị H có một con chung là Nguyễn Gia L1, sinh ngày 15/02/2020. Ly hôn, chị H và anh L đều có có nguyện vọng giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu Linh. Nguyện vọng của chị H, anh L phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Linh. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự thỏa thuận anh L cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.000.000 đồng một tháng đến khi con đủ 18 tuổi nên cần chấp nhận.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh L và chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về nợ: Anh L, chị H, ông T và bà D đã thỏa thuận được với nhau về số tiền anh L, chị H nợ ông T, bà D, thỏa thuận được số tiền từng người phải trả ông T, bà D. Tuy nhiên đến hạn trả nợ ngày 01/7/2023, chị H chưa thanh toán tiền cho ông T và bà D. Vì vậy cần buộc chị H phải trả cho ông T và bà D số tiền là 100.000.000 đồng. Kể từ ngày 01/7/2023 cho đến khi trả hết khoản nợ, chị H phải trả tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự. Trước khi mở phiên Tòa, ông T và bà D đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 246.000.000 đồng do anh L đã nhận trách nhiệm trả ông bà và hai bên đã thỏa thuận tự thanh toán cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy việc ông T và bà D rút một phần yêu cầu đòi nợ là hoàn toàn tự nguyện nên cần áp dụng Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Các Điều 217, 227, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận cho anh Nguyễn Văn L và chị Hà Thị H thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chấp nhận việc anh L và chị H thỏa thuận giao cho chị Hà Thị H trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Gia L1, sinh ngày 15/02/2020. Chấp nhận việc anh Nguyễn Văn L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) một tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn L và chị Hà Thị H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung và quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về nợ chung: Buộc chị Hà Thị H phải trả cho ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị D số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Kể từ ngày 01/7/2023 cho đến khi trả hết khoản nợ, chị H phải trả tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị D đối với yêu cầu anh L thanh toán tiền vay nợ là 246.000.000 đồng.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh L đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004355 ngày 26/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí. Trả lại anh L 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chị Hà Thị H phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nợ.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn L và chị Hà Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/7/2023. Ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể

từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy.
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã Q, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**